

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH THÚ Y

*(Ban hành theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y được xây dựng và áp dụng từ năm 2017 và được điều chỉnh chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam. Theo đó, bổ sung, chỉnh sửa một số học phần mới, đáp ứng nhu cầu thực tế, tăng tính chủ động cho sinh viên, giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp yêu thích trong tương lai đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục và đào tạo. Sinh viên tham gia chương trình đào tạo ngành Thú y được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành Bác sĩ có tư tưởng chính trị vững vàng, kiến thức chuyên môn có thể chịu trách nhiệm làm việc trong lĩnh vực chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc gia cầm, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành đào tạo: Thú y

Tên văn bằng: Bác sĩ Thú y

Mã ngành: 7640101

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Sinh học ứng dụng

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bác sĩ

Trình độ: Đại học

Thời gian: 5 năm.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

2.1.1 Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng

Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2 Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

2.1.3 Mục tiêu phát triển đến 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: du lịch, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cho người và vật nuôi vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.1.4 Giá trị cốt lõi

Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

2.1.5 Triết lý giáo dục

"Học suốt đời để làm việc suốt đời" và "Thực học, thực nghiệp"

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa Sinh học ứng dụng

2.2.1 Sứ mạng

Đào tạo đa ngành nghề theo hướng ứng dụng và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội;

2.2.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2022 và tầm nhìn đến năm 2030

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực hướng đến nâng cao chất lượng chuyên môn đội ngũ giảng viên, chuyên viên theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Tây Đô theo định hướng Đại học nghiên cứu ứng dụng.

Tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và công tác quản lý đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng đào tạo; gắn đào tạo với cộng đồng

Duy trì ngành đào tạo đang có và tiếp tục mở các ngành mới phù hợp với nhu cầu xã hội và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra cần tìm hiểu nhu cầu thực tiễn mới để

mở thêm các ngành cần thiết cho vùng.

Duy trì mối quan hệ hiện có và mở rộng mối quan hệ với các đối tác địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp, xí nghiệp, công ty trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Xây dựng định hướng chiến lược dài hạn trong NCKH và Phát triển công nghệ

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Thú y đào tạo Bác sỹ Thú y có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội về lĩnh vực thú y; có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân; có sức khỏe; khả năng thích ứng với công việc đa dạng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ, tiếp thu thành tựu khoa học – kỹ thuật mới đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Kiến thức

a) Kiến thức giáo dục đại cương

G1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật đại cương, Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất, các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội theo quy định.

G2: Vận dụng tốt tin học và ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các lĩnh vực chủ đề quen thuộc trong công việc ngành Thú y; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong Thú y thường gặp;

b) Kiến thức về cơ sở ngành

G3: Có kiến thức cơ bản về giải phẫu động vật, tổ chức phôi thai học, sinh lý, hóa sinh động vật, giải phẫu bệnh, vi sinh vật thú y vào các hoạt động chuyên môn như chẩn đoán, xét nghiệm và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực Thú y và Chăn nuôi;

G4: Có kiến thức chuyên sâu về dược lý, dược liệu, độc chất và miễn dịch học, dịch tễ để làm cơ sở xây dựng biện pháp phòng và điều trị bệnh đạt hiệu quả cao.

c) Kiến thức chuyên ngành

G5: Có kiến thức chuyên sâu về bệnh truyền nhiễm, Bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và thụ tinh nhân tạo, Bệnh ký sinh trùng và bệnh dinh dưỡng để chẩn đoán, phòng trị bệnh cho vật nuôi.

G6: Có kiến thức căn bản về kỹ thuật chăn nuôi và quản lý đàn gia súc gia cầm trong

công tác quản lý và kiểm soát dịch bệnh nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

G7: Áp dụng các kỹ thuật chẩn đoán lâm sàng và các xét nghiệm phòng thí nghiệm để phục vụ công tác chẩn đoán, điều trị và khống chế dịch bệnh động vật.

❖ Kỹ năng

G8: Có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

G9: Sử dụng được thành thạo một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn thú y; các loại vắc-xin, thuốc thú y và dược liệu trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

G10: Đưa ra kết luận chẩn đoán sơ bộ và biện pháp phòng trị khi gặp một ca bệnh, ổ dịch; lên kế hoạch xử lý, phối hợp với các bộ phận liên quan để đạt hiệu quả công việc.

G11: Thực hiện được các phương pháp kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ động vật.

G12: Chủ trì tổ chức tư vấn chuyên môn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi; tổ chức, điều hành phòng khám thú y và trang trại chăn nuôi.

G13: Có khả năng giao tiếp hiệu quả, viết được báo cáo, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, trình bày ý kiến liên quan đến công tác Thú y

❖ Thái độ

G14: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tốt, năng động, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao trong nghề nghiệp và cuộc sống, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

G15: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Thú y;

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

3.1.1 Kiến thức chung

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO1	Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, Quốc phòng - An ninh thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước liên quan đến công tác quản lý, điều trị, chăm sóc vật nuôi, thú cưng.
LO2	Áp dụng tốt các kiến thức cơ bản về toán học, sinh học, khoa học tự nhiên và xã hội, pháp luật đại cương, công nghệ thông tin và

Chuẩn đầu ra	Giải thích
	ngoại ngữ trong các công việc lĩnh vực chăn nuôi – thú y.

3.1.2 Kiến thức nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giải phẫu động vật, tổ chức phôi thai học, sinh lý, hóa sinh động vật, giải phẫu bệnh, vi sinh vật thú y vào các hoạt động chuyên môn như chẩn đoán, xét nghiệm và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực Thú y và Chăn nuôi;
LO4	Ứng dụng được các kiến thức về dược lý, dược liệu, độc chất và miễn dịch học để làm cơ sở xây dựng biện pháp phòng và điều trị bệnh đạt hiệu quả cao. Ngoài ra ứng dụng được các kiến thức về dịch tễ học, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm nghiệm sản phẩm động vật, các bệnh truyền lây và Luật thú y để lựa chọn, đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình kiểm soát dịch bệnh động vật, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường chăn nuôi, góp phần bảo vệ sức khỏe của cộng đồng;
LO5	Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm, Bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và thụ tinh nhân tạo, và Bệnh ký sinh trùng để chẩn đoán, xây dựng quy trình phòng trị bệnh cho vật nuôi. Áp dụng các kỹ thuật chẩn đoán lâm sàng và các xét nghiệm phòng thí nghiệm để phục vụ công tác chẩn đoán, điều trị và khống chế dịch bệnh động vật; thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y, bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp trong tương lai;
LO6	Ứng dụng được các kiến thức căn bản về kỹ thuật chăn nuôi và quản lý đàn gia súc gia cầm trong công tác quản lý và kiểm soát dịch bệnh nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Vận dụng được các kiến thức căn bản về bệnh động vật hoang dã trong việc quản lý và kiểm soát bệnh trên vật nuôi và các bệnh truyền lây giữa người và động vật.
LO7	Vận dụng các kiến thức căn bản về đạo đức nghề nghiệp trong việc chăm sóc và sử dụng động vật; trong việc chẩn đoán, phòng và trị bệnh động vật. các kiến thức về pháp luật về thú y vào các lĩnh vực kinh doanh thuốc thú y, con giống và các sản phẩm liên quan đến động vật; quản lý nhà nước về lĩnh vực thú y.

3.2 Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO8	Kỹ năng thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều

Chuẩn đầu ra	Giải thích
	trị bệnh cho vật nuôi. Sử dụng được thành thạo một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn thú y; các loại vắc-xin, thuốc thú y và dược liệu trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Đưa ra kết luận chẩn đoán sơ bộ và biện pháp phòng trị khi gặp một ca bệnh, ổ dịch; lên kế hoạch xử lý, phối hợp với các bộ phận liên quan để đạt hiệu quả công việc.
LO9	Có kỹ năng phân tích được các yếu tố nguy cơ trong vệ sinh an toàn thực phẩm; Thực hiện các quy trình kiểm soát vệ sinh giết mổ. Lập kế hoạch, tổ chức, sắp xếp và đánh giá kết quả công việc chuyên môn về thú y được giao; chủ trì tổ chức tư vấn chuyên môn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi; tổ chức, điều hành phòng khám thú y và trang trại chăn nuôi.
LO10	Kiểm soát được các bệnh truyền lây thông qua lấy mẫu, chẩn đoán, theo dõi nguồn bệnh và sự lan truyền của bệnh, thực hiện các điều tra về bệnh; Thực hiện được các phương pháp kiểm soát sự di chuyển của động vật và sản phẩm động vật, cách li các động vật mắc bệnh, khoanh vùng các đối tượng, khu vực mắc và nghi mắc, tiêu hủy các động vật và sản phẩm bị nhiễm bệnh.

3.2.2. Kỹ năng mềm

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO11	Có kỹ năng tự học hỏi, khám phá, tìm tòi và tư duy phân biện; làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; giao tiếp tốt, hợp tác và làm việc với cộng đồng; có kỹ năng tổ chức quản lý và điều hành thích ứng với môi trường sống và làm việc; có kỹ năng lập kế hoạch công việc khoa học, hợp lý.
LO12	Sử dụng tốt tin học văn phòng, khai thác internet, soạn thảo và lưu trữ văn bản đáp ứng công việc cơ bản. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (tương đương trình độ TOEIC ≥ 450 điểm) để trao đổi thông tin về các chủ đề thông dụng và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công tác.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO13	Cẩn thận, chuyên nghiệp, trung thực, công bằng và khách quan khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; có tình yêu thương đối với động vật; nhiệt tình và trách nhiệm cao khi chăm sóc, sử dụng, chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho động vật.

LO14	Tự tin đương đầu với khó khăn, nhiệt tình, say mê sáng tạo và khát vọng vươn lên trở thành chuyên gia, nhà lãnh đạo chuyên môn; làm việc một cách khoa học và sắp xếp công việc một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả công việc.
LO15	Chủ động tự học tập, đề xuất và triển khai các ý tưởng nghiên cứu chuyên môn tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

3.4. Ma trận tích hợp Mục tiêu và CDR của chương trình

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo														
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8	G9	G10	G11	G12	G13	G14	G15
LO1	X												X	X	
LO2		X											X	X	
LO3			X				X						X	X	X
LO4				X									X	X	X
LO5					X								X	X	X
LO6						X							X	X	X
LO7							X	X	X	X			X	X	X
LO8							X	X	X				X	X	X
LO9										X	X	X	X	X	X
LO10										X	X	X	X	X	X
LO11												X	X	X	X
LO12		X										X	X	X	X
LO13			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
LO14			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
LO15			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Bác sĩ Thú y có thể đảm nhận các vị trí như sau:

- Làm việc tại các cơ quan quản lý và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp;
- Làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm, hóa dược phục vụ thú y, doanh nghiệp tổ chức nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ngành thú y;
- Làm việc tại các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ có liên quan đến quản lý nông nghiệp và chuyển giao kỹ thuật thú y, các tổ chức triển khai thực hiện các dự án về giám sát, phòng và chống các bệnh động vật; kiểm dịch các sản phẩm động vật, đảm bảo vệ sinh an toàn các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật.

- Làm việc tại các trang trại, công viên, vườn thú, các trạm kiểm dịch động vật tại các sân bay, cửa khẩu, trạm kiểm dịch trên địa bàn các xã, huyện, tỉnh
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên tại các Viện, trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** tuyển sinh cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

- *Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:*

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do trường Đại học Tây Đô quy định sau khi có kết quả thi THPT.

- *Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ):*

– **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Tổng điểm cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển.
- + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tổng điểm của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 16,5 điểm trở lên.

– **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển.
- + **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** tổng điểm của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 16,5 điểm trở lên.
- **Hình thức 3:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 11 và học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Điểm trung bình chung cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển.
 - + **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** tổng điểm của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 16,5 điểm trở lên.

• **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh:**

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Trường Đại học Tây Đô quy định.

- Tổ hợp xét tuyển

Toán – Vật lý – Hóa học (A00)

Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01)

Toán – Hóa học – Sinh học (B00)

Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01)

5.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Đô).

5.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu trưởng Trường

Đại học Tây Đô) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 01/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng An ninh, Giáo dục thể chất.

e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Chương trình Thú y tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Thú y cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.

- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).

- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, trực tuyến hay tích hợp).

- Hiểu rõ sinh viên của mình (năm nhất, năm hai, năm ba, hay năm cuối).

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên: Người học cần suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 1: Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar.	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý; Trình diễn mẫu Luyện tập, thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như: Thực tập thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng.
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, sử dụng thiết bị công nghệ,...	Mô phỏng, thao tác; Thực tế; Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Suy nghĩ
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên liên quan.

- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ nhằm trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng viên

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu học

phản phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubric học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

❖ Các môn lý thuyết

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10). Làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

- Trọng số quy định:

- Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập,...: 30 – 40%.
- Điểm kết thúc học phần 60 - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

7.3. Thang điểm

Thực hiện Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô).

Bảng 2: Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0

Kém	Nhỏ hơn 4,0	F	0,0
-----	-------------	---	-----

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

A: là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n: là tổng số học phần

7.4. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

7.4.1. Rubric đánh giá thuyết trình

TT	Tiêu chí đánh giá	Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung.	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình.	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có)
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	- Có nhiều lỗi trong câu, từ; - Định dạng không phù hợp về font, size. - Thiếu những hiệu ứng cần thiết.	- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm.	- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.	- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. - Có link minh họa (hoặc link giữa các slide hợp lý).
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không mạch lạc, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, mạch lạc, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ và diễn đạt.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và diễn đạt, có tương tác với người nghe.
4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bằng ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.

7.4.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Rubric đánh giá khóa luận dành cho người hướng dẫn

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
Nội dung	0 - 1,5	1,6 - 2,5	2,6 - 3,5	3,6 - 4, 5	
	Nội dung giữa các chương không có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.	Nội dung giữa các chương thiếu sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	
Kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm	0 - 0,4	0,5 - 0,8	0,9 - 1,2	1,3 - 1,5	
	Không tìm hiểu quy trình và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Không biết bố trí nghiệm thức khoa học	Nắm vững quy trình (theo TLTK) và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Biết bố trí nghiệm thức khoa học.	Nắm vững quy trình (theo TLTK) và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Biết bố trí nghiệm thức khoa học. Thao tác thí nghiệm chính xác, cẩn thận.	Nắm vững quy trình (theo TLTK) và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Biết bố trí nghiệm thức khoa học. Thao tác thí nghiệm chính xác, cẩn thận. Tự quản lý tốt hóa chất, dụng cụ.	
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	0 - 0,4	0,5 - 0,6	0,7 - 0,8	0,9 - 1,0	
	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn	

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
				đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	
Câu văn và từ ngữ	0 – 0,9	1,0 – 1,3	1,4 – 1,7	1,8 – 2,0	
	Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.	Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	Triển khai các ý rõ ràng, liền mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	
Thái độ	0 – 0,4	0,5 – 0,6	0,7 – 0,8	0,9 – 1,0	
	Rất ít khi liên lạc với GV để duyệt bài.	Thỉnh thoảng liên lạc với GV để duyệt bài.	Thường xuyên liên lạc với GV để duyệt bài.	Rất thường xuyên liên lạc với GV để duyệt bài.	
Tổng điểm:					

Rubric đánh giá khóa luận dành cho chủ tịch HĐ và người phản biện

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
Cấu trúc	0 – 0,4	0,5 – 0,6	0,7 – 0,8	0,9 – 1,0	
	Xác định không đúng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức không hợp lý. Không có sự liên kết giữa các chương.	Chưa xác định rõ mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức chưa hợp lý. Thiếu sự liên kết giữa các chương.	Xác định được mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức hợp lý. Có sự liên kết giữa các chương.	Xác định rõ ràng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức rất hợp lý. Có sự liên kết chặt chẽ giữa các chương.	
Nội dung	0 – 3,0	3,1 – 4,0	4,1 – 5,0	5,1 – 6,0	
	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man,	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung	

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
	tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.	chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	0 – 0,4 Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	0,5 – 0,6 Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	0,7 – 0,8 Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	0,9 – 1,0 Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	
Câu văn và từ ngữ	0 – 0,9 Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.	1,0 – 1,3 Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	1,4 – 1,7 Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	1,8 – 2,0 Triển khai các ý rõ ràng, liên mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	
Tổng điểm:					

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng thời gian đào tạo tập trung là 5 năm, khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 171 tín chỉ, bao gồm Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng –

An ninh (8 tín chỉ).

TT	Tên học phần	Tín chỉ
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	50
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	105
	- Kiến thức cơ sở ngành	49
	- Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	44
	- Kiến thức chuyên ngành tự chọn	12
3	<i>Thực tập tốt nghiệp, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận tốt nghiệp và học phần thay thế)</i>	16
Tổng cộng		171

8.2. Danh mục học phần

8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
7	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
8	0301001673	Tin học căn bản	3		3
9	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
10	0301001364	Hóa học đại cương	2	2	
11	0301001366	Thực tập hóa học đại cương	1		1
12	0301001652	Hóa phân tích - Thú y	2	2	
13	0301002035	Thực tập hóa phân tích – Thú y	1		1
14	0301002036	Sinh học và di truyền động vật	2	2	
15	0301002037	Thực tập Sinh học và di truyền động vật	1		1
16	0301001061	Sinh thái môi trường	2	2	
17	0301001872	Sinh học phân tử - Thú y	2	2	
18	0301000650	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8		
19	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền*	1		1
20	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá*			

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
21	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông*			
22	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền*	1		1
23	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá*			
24	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông*			
25	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền*	1		1
26	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá*			
27	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông*			
Học phần tự chọn			2	2	
28	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
29	0301000288	Logic học đại cương	2	2	
30	0301000549	Tiếng Việt thực hành	2	2	
Tổng cộng			50	33	17

8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001651	Giải phẫu động vật	3	3	
2	0301001680	Thực tập Giải phẫu động vật	1		1
3	0301001098	Tổ chức phối thai học	2	2	
4	0301001094	Sinh hóa động vật	2	2	
5	0301001658	TT sinh hóa động vật	1		1
6	0301001121	Sinh lý động vật	3	3	
7	0301001687	TT Sinh lý động vật	1		1
8	0301001100	Vi sinh vật đại cương	2	2	
9	0301001691	TT vi sinh đại cương	1		1
10	0301001111	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	2	2	
11	0301001763	TT Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	1		1
12	0301001125	Dược lý thú y	3	3	
13	0301001762	TT Dược lý thú y	1		1
14	0301001126	Dược liệu thú y	2	2	
15	0301002031	TT. dược liệu thú y	1		1

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
16	0301001127	Miễn dịch học thú y	2	2	
17	0301002032	TT miễn dịch học thú y	1		1
18	0301001128	Vi sinh vật thú y	2	2	
19	0301001688	Thực tập vi sinh vật thú y	1		1
20	0301001129	Sinh lý bệnh thú y	2	2	
21	0301001130	Giải phẫu bệnh thú y	2	2	
22	0301001132	Chẩn đoán bệnh thú y	3	3	
23	0301001768	TT Chẩn đoán bệnh thú y	1		1
24	0301001134	Dịch tễ học thú y	2	2	
25	0301002033	TT. Dịch tễ học thú y	1		1
26	0301001147	Luật thú y	2	2	
27	0301001096	Tiếng Anh chuyên ngành - Thú y	2	2	
28	0301002180	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	2	
Tổng			49	38	11

8.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001808	Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	3	3	
2	0301001809	TT Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	1		1
3	0301001131	Độc chất học thú y	2	2	
4	0301002034	TT. Độc chất học thú y	1		1
5	0301001136	Bệnh Nội khoa thú y	3	3	
6	0301002038	TT Bệnh Nội khoa thú y	1		1
7	0301001810	Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	3	3	
8	0301001812	TT Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	1		1
9	0301001811	Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	3	3	
10	0301001812	TT Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	1		1
11	0301001141	Ngoại khoa thú y	3	3	
12	0301001150	TT Ngoại khoa thú y	1		1
13	0301002039	Chăn nuôi lợn	2	2	

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
14	0301001144	Chăn nuôi gia cầm	2	2	
15	0301001104	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	2	
16	0301001145	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
17	0301001146	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2	
18	0301001814	TT kiểm nghiệm sản phẩm động vật	1		1
19	0301002040	Bệnh dinh dưỡng	2	2	
20	0301001815	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo	2	2	
21	0301002042	Thực tập bệnh xá Thú y	6		6
	0301001824	Thực tập tốt nghiệp - Thú y	6		6
22	0301001161	Loại hình 1: Khóa luận tốt nghiệp	10		10
		Loại hình 2 (thực hiện tiểu luận tốt nghiệp và chọn 2 học phần thay thế)			
23	0301001829	Tiểu luận tốt nghiệp - Thú y	6		6
24	0301001163	Miễn dịch vắc xin	2	2	
25	0301002045	Bệnh động vật lây truyền sang người	2	2	
Tổng cộng			62	31	29

8.2.2.3. Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
26	0301001816	Tin học ứng dụng trong CNTY	2	2	
27	0301001817	Nuôi động vật thí nghiệm	2	2	
28	0301001153	Bảo quản chế biến sản phẩm động vật	2	2	
29	0301001818	Công nghệ sinh học vật nuôi	2	2	
30	0301000533	Thuốc và hóa chất thủy sản	2	2	
31	0301001819	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	2	
32	0301001820	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã	2	2	
33	0301001109	Thống kê phép thí nghiệm	2	2	
34	0301001135	Vệ sinh thú y	2	2	
35	0301001097	Quản lý chất thải chăn nuôi	2	2	
36	0301001821	Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi	2	2	
37	0301002043	Ngoại khóa thú y	2		2
38	0301002044	Niên luận thú y	2		2
Tổng cộng			8	8	

8.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:

Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	Kiến thức (LO)							Kỹ năng (LO)							Mức tự chủ trách nhiệm (LO)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Triết học Mác - Lênin	3	2	1	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	3	2
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2	1	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	3	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	1	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	3	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	3	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	1	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	3	2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Tin học căn bản	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Pháp luật đại cương	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Hóa học đại cương	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Thực tập hóa học đại cương	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Hóa phân tích - Thù y	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Thực tập hóa phân tích – Thù y	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Sinh học và di truyền động vật	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Thực tập Sinh học và di truyền động vật	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Sinh thái môi trường	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Sinh học phân tử - Thù y	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1
Giáo dục quốc phòng – An ninh **	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông*	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Xã hội học đại cương	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Logic học đại cương	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Tiếng Việt thực hành	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Giải phẫu động vật			3								2	2	2	2	2
Thực tập Giải phẫu động vật			3								2	2	2	2	2

Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	Kiến thức (LO)							Kỹ năng (LO)							Mức tự chủ trách nhiệm (LO)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tổ chức phối thai học			3								2	2	2	2	2
Sinh hóa động vật			3								3	3	3	3	3
TT sinh hóa động vật			3								3	3	3	3	3
Sinh lý động vật			3								3	3	3	3	3
TT Sinh lý động vật			3								3	3	3	3	3
Vi sinh vật đại cương			3								3	3	3	3	3
TT vi sinh đại cương			3								3	3	3	3	3
Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi							3				3	3	3	3	3
TT Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi							3				3	3	3	3	3
Dược lý thú y				3			3	3			3	3	3	3	3
TT Dược lý thú y				3			3	3			3	3	3	3	3
Dược liệu thú y				3			3	3			3	3	3	3	3
TT. dược liệu thú y				3			3	3			3	3	3	3	3
Miễn dịch học thú y				3				3			3	3	3	3	3
TT miễn dịch học thú y				3				3			3	3	3	3	3
Vi sinh vật thú y			3					3			3	3	3	3	3
Thực tập vi sinh vật thú y			3					3			3	3	3	3	3
Sinh lý bệnh thú y			3					3			3	3	3	3	3
Giải phẫu bệnh thú y			3					3			3	3	3	3	3
Chẩn đoán bệnh thú y					3		3	3			3	3	3	3	3
TT Chẩn đoán bệnh thú y					2		3	2		2	2	2	2	2	2
Dịch tễ học thú y				3				2	2	2	2	2	2	2	2
TT. Dịch tễ học thú y				3				2	2	2	2	2	2	2	2
Luật thú y				3			3				2	2	2	2	2
Tiếng Anh chuyên ngành - Thú y											2	2	2	2	2
Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3	3
Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc					3		2	2	2		2	2	2	2	2
TT Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc					3		2	2	2		2	2	2	2	2
Độc chất học thú y				3			3	2	2		2	2	2	2	2
TT. Độc chất học thú y				3			3	2	2		2	2	2	2	2
Bệnh Nội khoa thú y					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TT Bệnh Nội khoa thú y					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2

Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	Kiến thức (LO)							Kỹ năng (LO)							Mức tự chủ trách nhiệm (LO)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TT Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TT Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ngoại khoa thú y					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TT Ngoại khoa thú y					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chăn nuôi lợn						3	3			2	2	3	3	2	3
Chăn nuôi gia cầm						3	3			2	2	3	3	2	3
Chăn nuôi gia súc nhai lại						3	3			2	2	3	3	2	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học					3						3	3	3	2	3
Kiểm nghiệm sản phẩm động vật				3				2	2	2	2	2	2	2	2
TT kiểm nghiệm sản phẩm động vật				3				2	2	2	2	2	2	2	2
Bệnh dinh dưỡng					3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo					3						2	2	2	2	2
Thực tập bệnh xá Thú y								2			2	2	2	2	2
Thực tập tốt nghiệp - Thú y	3	3	3	4	3	3	4	4	3	3	3	3	3	3	3
Khóa luận tốt nghiệp	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Tiểu luận tốt nghiệp - Thú y	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Miễn dịch vắc xin	2	2	2	2	2	4	2	2	3	3	2	2	2	2	3
Bệnh động vật lây truyền sang người	3	2	2	3	2	3	2	2	3	3	2	2	2	3	3
Tin học ứng dụng trong CNTY	2	2	2	2	2	3	2	2	3	3	2	2	2	3	3
Nuôi động vật thí nghiệm	2	2	2	3	3	3	2	2	3	3	1	3	3	3	2
Bảo quản chế biến sản phẩm động vật	2	2	1	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Công nghệ sinh học vật nuôi	2	2	1	2	2	2	2	2	3	2	1	3	3	2	3
Thuốc và hóa chất thủy sản	2	2	2	3	3	3	3	3	3	2	1	2	3	3	3
Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	2	1	2	2	3	2	2	2	3	1	2	2	2	1
Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã	2	2	2	2	2	3	2	2	3	3	2	2	2	3	3
Thống kê phép thí nghiệm	2	2	2	3	3	3	2	2	3	3	1	3	3	3	2
Vệ sinh thú y	2	2	1	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Quản lý chất thải chăn nuôi	2	2	1	2	2	2	2	2	3	2	1	3	3	2	3
Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi	2	2	2	3	3	3	3	3	3	2	1	2	3	3	3

Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	Kiến thức (LO)							Kỹ năng (LO)							Mức tự chủ trách nhiệm (LO)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Ngoại khóa thú y	2	2	1	2	2	3	2	2	2	3	1	2	2	2	1
Niên luận thú y	2	2	2	2	2	3	2	2	3	3	2	2	2	3	3

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ 1:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Sinh học và di truyền động vật	2	2	0	30	30	0
2	Thực tập Sinh học và di truyền động vật	1	0	1	30	0	30
3	Tin học căn bản	3	0	3	90	0	90
4	Giải phẫu động vật	3	3	0	45	45	0
5	Thực tập Giải phẫu động vật	1	0	1	30	0	30
6	Pháp luật đại cương	2	2	0	30	30	0
7	Hóa học đại cương	2	2	0	30	30	0
8	Thực tập Hóa học đại cương	1	0	1	30	0	30
9	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1*	0	1*	30	0	30
10	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá **						
11	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông **						
Tổng cộng		15+1	9	6+1	345	135	210

Học kỳ 2:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục quốc phòng An ninh**	8*	0	8*	240	0	240
2	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	45	45	0

3	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4	0	60	60	0
4	Tổ chức phối thai học	2	2	0	30	30	0
5	Sinh hóa động vật	2	2	0	30	30	0
6	Thực tập Sinh hóa động vật	1	0	1	30	0	30
7	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền **	1*	0	1*	30	0	30
8	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá **						
9	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông **						
10	Sinh lý động vật	3	3	0	45	45	0
11	Thực tập Sinh lý động vật	1	0	1	30	0	30
Tổng cộng		16+9	14	11	540	210	330

Học kỳ 3:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	30	0
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	30	0
3	Hóa phân tích – Thú y	2	2	0	30	30	0
4	Thực tập hóa phân tích	1	0	1	30	0	30
5	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4	0	60	60	0
6	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	2	0	30	30	0
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền **	1*	0	1*	30	0	30
8	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá **						
9	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông **						
<i>Chọn ít nhất 02 tc trong các học phần sau:</i>							
10	Xã hội học đại cương	2	2	0	30	30	0
11	Tiếng việt thực hành		2	0	30	30	0
12	Logic học đại cương		2	0	30	30	0

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
Tổng cộng		15+1	14	2	270	210	60

Học kỳ 4:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Sinh thái môi trường	2	2	0	30	30	0
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	30	0
3	Dược lý thú y	3	3	0	45	45	0
4	Thực tập Dược lý thú y	1	0	1	30	0	30
5	Vi sinh vật đại cương	2	2	0	30	30	0
6	Thực tập vi sinh đại cương	1	0	1	30	0	30
7	Sinh học phân tử - Thú y	2	2	0	30	30	0
8	Miễn dịch học thú y	2	2	0	30	30	0
9	Thực tập miễn dịch học	1	0	1	30	0	30
Tổng cộng		16	13	3	285	195	90

Học kỳ 5:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giải phẫu bệnh thú y	2	2	0	30	30	0
2	Chẩn đoán bệnh thú y	3	3	0	45	45	0
3	Thực tập Chẩn đoán bệnh thú y	1	0	1	30	0	30
4	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	2	2	0	30	30	0
5	Thực tập dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	1	0	1	30	0	30
6	Sinh lý bệnh thú y	2	2	0	30	30	0
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	30	0

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
8	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	2	0	30	30	0
<i>Chọn ít nhất 01 trong 02 học phần sau:</i>		2	2	0	30	30	0
9	Tin học ứng dụng trong chăn nuôi, thú y	2	2	0	30	30	0
10	Nuôi động vật thí nghiệm		2	0	30	30	0
Tổng cộng		17	15	2	285	225	60

Học kỳ 6:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Ngoại khoa thú y	3	3	0	45	45	0
2	Thực tập Ngoại khoa thú y	1	0	1	30	0	30
3	Vì sinh vật thú y	2	2	0	30	30	0
4	Thực tập vi sinh vật thú y	1	0	1	30	0	30
5	Dược liệu thú y	2	2	0	30	30	0
6	TT. dược liệu thú y	1	0	1	30	0	30
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học CNTY	2	2	0	30	30	0
<i>Chọn học 04 tc trong các học phần sau:</i>		4	0	4	120	0	120
7	Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi	4	2	0	30	30	0
8	Ngoại khóa thú y		0	2	60	0	60
9	Niên luận thú y		0	2	60	0	60
Tổng cộng		16	9	7	245	135	210

Học kỳ 7:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chăn nuôi gia cầm	2	2	0	30	30	0

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
2	Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	3	3	0	45	45	0
3	Thực tập Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	1	0	1	30	0	30
4	Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	3	3	0	45	45	0
5	Thực tập Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	1	0	1	30	0	30
6	Tiếng Anh chuyên ngành - Thú y	2	2	0	30	30	0
7	Luật thú y	2	2	0	30	30	0
	<i>Chọn học 02 tc trong các học phần sau</i>						
8	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	2	0	30	30	0
9	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã		2	0	30	30	0
10	Thống kê phép thí nghiệm		2	0	30	30	0
Tổng cộng		16	14	2	270	210	60

Học kỳ 8:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chăn nuôi lợn	2	2	0	30	30	0
2	Bệnh Nội khoa thú y	3	3	0	45	45	0
3	Thực tập Bệnh Nội khoa thú y	1	0	1	30	0	30
4	Độc chất học thú y	2	2	0	30	30	0
5	TT. Độc chất học thú y	1	0	1	30	0	30
6	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2	0	30	30	0
7	Thực tập kiểm nghiệm động vật	1	0	1	30	0	30

8	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo	2	2	0	30	30	0
	<i>Chọn ít nhất 02 tc trong các học phần sau:</i>	2	2	0	30	30	0
9	Vệ sinh thú y	2	2	0	30	30	0
10	Quản lý chất thải chăn nuôi		2	0	30	30	0
Tổng cộng		16	13	3	255	165	90

Học kỳ 9

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Dịch tễ học thú y	2	2	0	30	30	0
2	TT. Dịch tễ học thú y	1	0	1	30	0	30
3	Thực tập bệnh xá	6	0	6	180	0	180
4	Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	3	3	0	45	45	0
5	Thực tập Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	1	0	1	30	0	30
6	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	2	2	0	30	30	0
	<i>Chọn ít nhất 02 tc trong các học phần sau:</i>						
7	Bảo quản chế biến sản phẩm động vật	2	2	0	30	30	0
8	Công nghệ sinh học vật nuôi		2	0	30	30	0
9	Thuốc và hóa chất thủy sản		2	0	30	30	0
Tổng cộng		17	9	8	275	135	240

Học kỳ 10:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
Đối tượng 1: sinh viên làm khóa luận TN							
1	Thực tập tốt nghiệp - Thú y	6	0	6	180	0	180
2	Khóa luận tốt nghiệp - Thú y	10	0	10	300	0	300
Đối tượng 2: sinh viên làm tiểu luận TN							

1	Thực tập tốt nghiệp - Thú y	6	0	6	180	0	180
3	Tiểu luận tốt nghiệp - Thú y	6	0	6	180	0	180
4	Miễn dịch vắc xin	2	2	0	30	30	0
5	Bệnh động vật lây truyền sang người	2	2	0	30	30	0
Tổng cộng		16					

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Đây là học phần bắt buộc. Ngoài phần mở đầu, học phần gồm 3 chương cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất, bao gồm những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; phép BCDV với tư cách là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển, về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy; CNDV lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển CNDV và phép biện chứng vào việc nghiên cứu các lĩnh vực của đời sống xã hội.

10.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Học phần gồm có 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội Khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội Khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.

10.4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đảng lãnh

đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến 2018. Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học trong quá trình học tập và công tác.

10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng của Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam.

10.6. Tiếng Anh định hướng TOEIC 1 (4 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

10.7. Tiếng Anh định hướng TOEIC 2 (4 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

10.8. Tin học căn bản (3 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows; Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính; Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word; Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel; Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint. Sử dụng Internet và E-mail: Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet

10.9. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch

sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...

10.10. Hóa học đại cương (2 tín chỉ)

Sinh viên được học về các khái niệm cơ bản như: thành phần cấu tạo nên vật chất: nguyên tử, phân tử, phân tử cấu trúc, thành phần các hợp chất và các liên kết hoá học, quá trình nhiệt động lực học, động học xảy ra trong phản ứng hoá học, khảo sát dung dịch, nồng độ dung dịch, điện hoá học, ứng dụng của hoá học và dòng điện. Giới thiệu đặc điểm, trạng thái, tính chất vật lý, hoá học của một số các nguyên tố hoá học điển hình thuộc nhóm A và nhóm B. Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thuyết trình vấn đề tập thể

10.11. Thực tập hóa học đại cương (2 tín chỉ)

Sinh viên sẽ được học về: Các lý thuyết về kiến thức xử lý số liệu, cách thức sử dụng dụng cụ - hóa chất vô cơ. Từ đó, sinh viên biết cách trình bày các vấn đề thực nghiệm một cách khoa học, logic. Các thí nghiệm kiểm chức và khám phá các vấn đề thực tiễn để đối chiếu với lý thuyết về hóa học cơ bản. Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và trình bày báo cáo khoa học thực nghiệm.

10.12. Hóa phân tích - Thú y (2 tín chỉ)

Khái niệm, vai trò của hóa phân tích, phân loại phương pháp; các khái niệm cơ bản trong hóa phân tích. Nguyên tắc cơ bản, các yếu tố ảnh hưởng, cách tính kết quả trong phương pháp phân tích khối kết tủa. Nguyên tắc, các khái niệm cơ bản, yêu cầu của phản ứng chuẩn độ, phân loại các phương pháp chuẩn độ, cách pha dung dịch tiêu chuẩn, cách xây dựng đường chuẩn độ, lựa chọn chỉ thị, tính toán kết quả trong phương pháp phân tích khối lượng kết tủa.

10.13. Thực tập Hóa phân tích (1 tín chỉ)

Cung cấp kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm, thực hành phân tích các chỉ tiêu về xác định protein, lipid... ứng dụng trong thú y.

10.14. Sinh học và di truyền động vật (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh học tế bào: Kiến thức về các chất cơ bản cấu trúc sự sống; kiến thức về cấu tạo tế bào, đơn vị của sự sống từ sơ hạch tới chân hạch; các quá trình sống: trao đổi chất và năng lượng; hô hấp, quang hợp; các kiến thức cơ bản duy trì cơ thể sống qua phân chia tế bào, sự tổng hợp vật chất di truyền và vật chất sự

sống cũng như sự truyền thông tin di truyền không bình thường gây hậu quả đột biến. Trình bày các cấp độ tổ chức cơ thể động vật và cơ thể thực vật cũng như các giai đoạn phát triển của cơ thể.

10.15. Thực tập sinh học và di truyền động vật (1 tín chỉ)

Nội dung học phần gồm 6 bài: hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị kính hiển vi trong phòng thí nghiệm. Cách làm các tiêu bản hiển vi quan sát, nhận biết và vẽ các được các loại tế bào động vật, thực vật, các loại bào quan, thể vùi trong tế bào. Cách tiến hành thí nghiệm quan sát các hiện tượng trao đổi chất qua tế bào; cách tiến hành các thí nghiệm chứng minh quá trình quan hợp ở cây xanh. Cách thực hiện tiêu bản quan sát các kỳ của quá trình phân bào nguyên phân và giảm phân ở sinh vật.

10.16. Sinh Thái môi trường (2 tín chỉ)

Học phần Sinh thái môi trường gồm những khái niệm liên quan đến môi trường và sinh thái và các nhân tố môi trường và nhân tố sinh thái, các mối quan hệ tương tác giữa sinh thái học, sinh vật, các quy luật sinh thái học với các từng loại môi trường. Hệ sinh thái, các hệ sinh thái nhạy cảm, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái và môi trường khi khai thác tài nguyên thiên nhiên; Các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

10.17. Sinh học phân tử - Thú y (2 tín chỉ)

Học phần Sinh học phân tử gồm những nội dung về: cấu trúc, chức năng của bốn đại phân tử quan trọng trong tế bào: carbohydrat, lipid, protein và acid nucleic (DNA và RNA), tế bào và các bào quan của nó; vai trò của màng sinh học và sự vận chuyển của các vật liệu xuyên qua màng. Cơ chế biến dưỡng của các đại phân tử, cơ chế tổng hợp năng lượng ATP. Sẽ có một sự nhấn mạnh đặc biệt về cơ chế phân tử của di truyền; cấu trúc và liên kết của DNA, enzyme biến đổi DNA, sao chép DNA, sửa chữa DNA, phiên mã, xử lý RNA, dịch mã và các mã di truyền. Sự điều hòa biểu hiện của gen.

10.18. Giáo dục quốc phòng -An ninh (8 tín chỉ)

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

10.19. Giáo dục thể chất 1 – bóng chuyền cơ bản (1 tín chỉ)

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng

cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

10.20. Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá cơ bản (1 tín chỉ)

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

10.21. Giáo dục thể chất 1 – cầu lông cơ bản (1 tín chỉ)

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông

10.22. Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền nâng cao 1 (1 tín chỉ)

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

10.23. Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá nâng cao 1 (1 tín chỉ)

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

10.24. Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông nâng cao 1 (1 tín chỉ)

Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

10.25. Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền nâng cao 2 (1 tín chỉ)

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

10.26. Giáo dục thể chất 3 - Bng đá nâng cao 2 (1 tín chỉ)

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

10.27. Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông nâng cao 2 (1 tín chỉ)

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

10.28. Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

10.29. Logic học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.

10.30. Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

10.31. Giải phẫu động vật (3 tín chỉ)

Học phần Giải phẫu động vật gồm những nội dung về vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng của hệ xương khớp, hệ cơ, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tiết niệu – sinh dục, hệ tim mạch, hệ thần kinh và hệ nội tiết. Ngoài ra, còn nghiên cứu mối quan hệ giữa các cơ quan bộ phận

trong cơ thể con vật.

10.32. Thực tập Giải phẫu động vật (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập giải phẫu động vật gồm những nội dung về giải phẫu gia súc, gia cầm để xác định vị trí, hình dạng, cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể của gia súc gia cầm

10.33. Tổ chức phôi thai học (2 tín chỉ)

Học phần Tổ chức học phôi thai gồm những nội dung về cấu tạo vi thể, chức năng của các tổ chức, mô bào, tế bào cơ thể động vật, tổ chức liên kết, biểu mô, tổ chức tiêu hoá, hô hấp, thần kinh, mạch quản, huyết học, tiết niệu sinh dục và các giai đoạn phát triển của phôi thai gia súc, gia cầm.

10.34. Sinh hóa động vật (2 tín chỉ)

Học phần sinh hóa động vật gồm những nội dung về thành phần hóa học của tế bào và dịch thể ở cơ thể động vật. Vai trò và quá trình trao đổi chất của protein, glucid, lipid, và enzym. Mối quan hệ giữa các quá trình trao đổi chất ở động vật.

10.35. Thực tập Sinh hóa động vật (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập sinh hóa động vật gồm những nội dung về xác định định tính của protein, glucid, lipid, và enzym.

10.36. Sinh lý động vật (3 tín chỉ)

Học phần Sinh lý động vật gồm những nội dung về chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với môi trường sống, đồng thời nghiên cứu về sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường.

10.37. TT Sinh lý động vật (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập sinh lý động vật gồm những nội dung về chức năng của hệ tuần hoàn máu, chức năng hệ hô hấp, phân xạ của hệ thần kinh...

10.38. Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi (2 tín chỉ)

Học phần Dinh dưỡng và thức ăn động vật gồm những nội dung về vai trò của dưỡng chất trong thức ăn đối với vật nuôi, đặc điểm của một số thức ăn thường được sử dụng trong chăn nuôi, nhu cầu dinh dưỡng, sự tiêu hóa và hấp thu thức ăn, cách chế biến và bảo quản một số thức ăn trong chăn nuôi.

10.39. Thực tập dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập dinh dưỡng và thức ăn động vật gồm những nội dung về phân tích hàm

lượng nước, đường, đạm, béo, xơ và nhận dạng một số loại thức ăn chăn nuôi cũng như tính được khẩu phần thức ăn cho vật nuôi vừa khoa học và kinh tế.

10.40. Dược lý thú y (3 tín chỉ)

Học phần Dược lý thú y gồm những nội dung về hóa dược, cách sử dụng, phối hợp và bảo quản các loại thuốc như vaccin, thuốc kháng sinh, thuốc trị ký sinh trùng, thuốc sát trùng, thuốc hạ sốt, giảm đau và chống viêm, thuốc kích thích sinh sản và các loại vitamin để ứng dụng trong phòng bệnh và trị bệnh.

10.41. Thực tập Dược lý thú y (1 tín chỉ)

Học phần Dược lý thú y gồm những nội dung về nhận dạng thuốc thú y, Kiểm tra sự hấp thu và thải trừ của thuốc, Thử hiệu lực của thuốc đối với con vật, các con đường đưa thuốc vào cơ thể con vật.

10.42. Dược liệu thú y (2 tín chỉ)

Học phần Dược liệu thú y gồm những nội dung về vai trò, tác dụng của các nhóm dược liệu nguồn gốc thực, động vật, khoáng chất dùng làm thuốc phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm; Nguyên lý, cơ sở khoa học sử dụng; Phân bố, phương pháp khai thác, bảo quản, chế biến bảo quản dược liệu thú y.

10.43. Thực tập dược liệu thú y (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập Dược liệu thú y gồm những nội dung về kiểm tra hiệu quả của một số dược liệu dùng trong điều trị bệnh cho vật nuôi. Nhận dạng dược liệu, phương pháp khai thác, bảo quản, chế biến bảo quản dược liệu thú y.

10.44. Vi sinh vật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Vi sinh vật đại cương gồm những nội dung về cấu tạo, đặc điểm sinh trưởng, phát triển, sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ứng dụng các đặc tính của vi sinh vật vào nông nghiệp, cải tạo môi trường, chế biến và bảo quản thực phẩm.

10.45. Thực tập Vi sinh vật đại cương (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập vi sinh vật đại cương gồm những nội dung pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh vật; Nuôi cấy phân lập được vi sinh vật, tính được mật số vi khuẩn, nhuộm Gram vi khuẩn

10.46. Miễn dịch học thú y (2 tín chỉ)

Học phần Miễn dịch học thú y gồm những nội dung về đáp ứng miễn dịch, các tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch trong cơ thể, các đặc tính của kháng nguyên - kháng thể, chức năng và cơ chế miễn dịch chống lại các bệnh do (vi khuẩn, virus, ký sinh trùng), ứng dụng miễn dịch trong chẩn đoán và phòng trị bệnh.

10.47. Thực tập miễn dịch học thú y (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập Miễn dịch học thú y gồm những nội dung thực hành phản ứng ngưng kết hồng cầu; Phản ứng miễn dịch lâm sàng trong truyền máu thú y và huyết liệu máu; phản ứng miễn dịch; các ứng dụng miễn dịch trong chẩn đoán bệnh, vaccin dùng trong phòng bệnh gia súc, gia cầm.

10.48. Vi sinh vật thú y (2 tín chỉ)

Học phần Vi sinh vật thú y gồm những nội dung về vi sinh vật, đặc tính sinh học của vi sinh vật gây bệnh cho động vật, kỹ thuật xét nghiệm vi sinh vật học thú y, nguyên lý chế tạo, bảo quản và sử dụng vaccine, kháng huyết thanh.

10.49. Thực tập vi sinh vật thú y (1 tín chỉ)

Học phần thực tập Vi sinh vật thú y gồm những nội dung về nuôi cấy phân lập vi sinh vật gây bệnh cho động vật, kiểm tra đặc tính sinh hóa của vi sinh vật và thực hiện kháng sinh đồ đối với vi sinh vật.

10.50. Sinh lý bệnh thú y (2 tín chỉ)

Học phần Sinh lý bệnh gồm những nội dung cơ bản về rối loạn điều hòa thân nhiệt, rối loạn chuyển hóa các chất, rối loạn hệ thống máu, sinh lý bệnh hệ thống: tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp tiết niệu, gan, nội tiết. Từ đó, tìm ra được quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh, để có phương pháp suy luận trong chẩn đoán và điều trị bệnh trên gia súc và gia cầm.

10.51. Giải phẫu bệnh thú y (2 tín chỉ)

Học phần Giải phẫu bệnh thú y gồm những nội dung về những thay đổi có hệ thống từng cơ quan hay bộ máy như hệ thống tuần hoàn - tim, hệ thống hô hấp, hệ thống bài tiết, hệ thống sinh dục và ghi nhận những thay đổi bệnh lý gây ra bởi những bệnh cảm nhiễm, ký sinh trùng, suy dinh dưỡng, thương tích. Mối liên hệ giữa hình thái và chức năng, góp phần giải thích được những biểu hiện lâm sàng của bệnh, để đánh giá kết quả chẩn đoán.

10.52. Chẩn đoán bệnh thú y (3 tín chỉ)

Môn học chẩn đoán bệnh thú y giới thiệu những nội dung cơ bản về đại cương, chẩn đoán bệnh học, phương pháp khám và điều trị bệnh. Các phương pháp khám bệnh (khám lâm sàng và cận lâm sàng). Khám hệ tiêu hóa, hệ tim mạch, hệ tiết niệu, hệ hô hấp và khám hệ thần kinh...

10.53. Thực tập chẩn đoán bệnh thú y (1 tín chỉ)

Thực tập chẩn đoán bệnh thú y gồm những nội dung thực hành như tiếp cận gia súc, gia cầm; các phương pháp khám bệnh lâm sàng đối với gia súc và gia cầm; chẩn đoán phi lâm sàng đối với gia súc, gia cầm.

10.54. Dịch tễ học thú y (2 tín chỉ)

Học phần Dịch tễ học thú y gồm những nội dung như khái niệm dịch tễ học, mô tả các loại dịch bệnh, các phương pháp nghiên cứu và điều tra dịch bệnh, đánh giá kết quả thử nghiệm, đề ra biện pháp khống chế và thanh toán dịch bệnh.

10.55. Thực tập dịch tễ học thú y (1 tín chỉ)

Học phần Thực tập Dịch tễ học thú y gồm những nội dung thực hành như điều tra dịch tễ, phân tích số liệu điều tra dịch bệnh, đánh giá kết quả thử nghiệm, đề ra biện pháp khống chế và thanh toán dịch bệnh.

10.56. Luật thú y (2 tín chỉ)

Học phần Luật thú y gồm những nội dung về những quy định của luật pháp về chuyên ngành Thú y và những hướng dẫn thi hành các Luật thú y năm 2015

10.57. Tiếng Anh chuyên ngành - Thú y (2 tín chỉ)

Học phần Anh văn chuyên ngành thú y gồm những nội dung về những thuật ngữ chuyên môn về chuyên ngành thú y như: cấu tạo cơ thể, sinh lý, dược lý, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc- gia cầm

10.58. Nhập môn nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản nhất về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, bước đầu thực hiện được một nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

10.59. Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc (3 tín chỉ)

Học phần Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gồm những nội dung về sinh lý sinh sản gia súc đực và cái, cách xác định gia súc lên giống, phương pháp chẩn đoán gia súc có thai, đỡ đẻ, can thiệp đẻ khó ở gia súc cũng như phương pháp lấy tinh, kiểm tra – đánh giá chất lượng tinh dịch, kỹ thuật gieo tinh nhân tạo, công nghệ sản xuất tinh đông lạnh và công nghệ bảo tồn tinh dịch.

10.60. Thực tập Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc (1 tín chỉ)

Thực tập sản khoa và thụ tinh nhân tạo gồm những nội dung thực hành như: kiểm tra chất lượng tinh trùng, tinh dịch; pha chế tinh dịch; Xác định thời kỳ phối giống thích hợp nhất ở gia súc và đỡ đẻ gia súc

10.61. Độc chất học thú y (2 tín chỉ)

Nội dung của học phần độc chất học thú y trình bày những khái niệm chung về độc chất học; Thuốc bảo vệ thực vật; Một số chất độc vô cơ; Chất độc có nguồn gốc thực vật; Kháng sinh; Độc tố nấm mốc và vi khuẩn; Một số chất khí độc trong chuồng nuôi.

10.62. Thực tập Độc chất học thú y (1 tín chỉ)

Thực hành Độc chất học thú y gồm những nội dung thực hành như xác định hàm lượng hàn the có trong sản phẩm động vật; khảo sát dư lượng kháng sinh trong thịt gia súc, gia cầm; khảo sát sự ngộ độc do các chất độc từ thực vật - Nitrate, Xác định độc tố vi khuẩn *Escherichia coli*, Phương pháp xác định đề kháng với kháng sinh của các chủng *E. coli*

10.63. Bệnh nội khoa thú y (3 tín chỉ)

Học phần Bệnh nội khoa thú y gồm những nội dung về điều trị bệnh, nghiên cứu nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và biện pháp phòng trị các bệnh ở các cơ quan nội tạng như: tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết, thần kinh, dinh dưỡng, trao đổi chất và trứng độc.

10.64. Thực tập Bệnh nội khoa thú y (1 tín chỉ)

Thực tập Bệnh nội khoa thú y gồm những nội dung thực hành như: điều trị bệnh gia súc, gia cầm; Đưa thuốc vào cơ thể gia súc; truyền dịch cho gia súc; chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc

10.65. Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm (3 tín chỉ)

Học phần Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm gồm những nội dung về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh trên động vật, cơ chế lây bệnh, sự phát sinh dịch bệnh, đặc biệt tính miễn dịch của cơ thể động vật đối với vi sinh vật gây bệnh. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm và phương pháp phòng và trị bệnh.

10.66. Thực tập Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm (1 tín chỉ)

Thực tập Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm gồm những nội dung thực hành như chẩn đoán bệnh lâm sàng và lập hồ sơ bệnh án; điều trị bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm; mổ khám bệnh tích và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm; phòng bệnh bằng vaccin cho gia súc, gia cầm.

10.67. Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm

Học phần Bệnh Ký sinh trùng thú y gồm những nội dung về đặc điểm của ký sinh trùng, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế gây bệnh, triệu chứng, bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và phòng – trị một số bệnh sán lá, sán dây, giun tròn, bệnh do nguyên sinh động vật và bệnh do các loài ngoại ký sinh trùng trên gia súc – gia cầm

10.68. Thực tập Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm (1 tín chỉ)

Thực tập Bệnh ký sinh trùng thú y gồm những nội dung thực hành như: xét nghiệm phân

tìm trứng giun sán; mổ khám để tìm ký sinh trùng; tẩy trừ giun sán.

10.69. Ngoại khoa thú y (3 tín chỉ)

Học phần Ngoại khoa thú y gồm những nội dung về các nguyên tắc của phẫu thuật, nguyên tắc vô trùng trong phẫu thuật, cách sử dụng các dụng cụ phẫu thuật, chuẩn bị phẫu thuật viên, chuẩn bị thú trước khi mổ và các loại thuốc tê/mê và một số trường hợp ngoại khoa thường gặp trên gia súc như hernia, sa trực tràng, cắt sừng, mổ thai, mổ dạ cỏ.

10.70. Thực tập Ngoại khoa thú y (1 tín chỉ)

Thực tập Ngoại khoa thú y gồm những nội dung thực hành như đề phòng nhiễm trùng khi phẫu thuật ngoại khoa; Sử dụng dụng cụ phẫu thuật; May vết thương; thiên gia súc đực, cái; phẫu thuật ngoại khoa khác.

10.71. Chăn nuôi lợn (2 tín chỉ)

Học phần Chăn nuôi lợn gồm những nội dung về vai trò, phương pháp, kỹ thuật chăn nuôi lợn ứng với từng giai đoạn phát triển của lợn cũng như cách quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với từng phương thức chăn nuôi lợn.

10.72. Chăn nuôi gia cầm (2 tín chỉ)

Học phần Chăn nuôi gia cầm gồm những nội dung về nguồn gốc và đặc điểm các giống gia cầm phổ biến, trứng và kỹ thuật ấp trứng gia cầm, nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn nuôi gia cầm, kỹ thuật nuôi gia cầm ở từng loại gia cầm, hình thức tổ chức và quản lý đàn gia cầm.

10.73. Chăn nuôi gia súc nhai lại (2 tín chỉ)

Học phần Chăn nuôi trâu bò gồm những nội dung về vai trò, phương pháp, kỹ thuật chăn nuôi trâu bò ứng với từng giai đoạn phát triển của trâu bò cũng như cách quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với từng phương thức chăn nuôi trâu bò.

10.74. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và giới thiệu bản chất logic của nghiên cứu khoa học và các giả thuyết khoa học. Phương pháp xây dựng cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập và hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài. Cách viết một đoạn văn khoa học, viết bài tạp chí khoa học. Chuẩn bị file báo cáo và kỹ năng thuyết trình.

10.75. Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (2 tín chỉ)

Học phần Kiểm nghiệm sản phẩm động vật gồm những nội dung về trình tự về khám thú sống, giết mổ, khám thịt và phù tạng tại cơ sở giết mổ, các chất tồn dư, phương pháp xét nghiệm vệ sinh sản phẩm động vật và các biến đổi của thịt sau khi giết mổ

10.76. Thực tập kiểm nghiệm sản phẩm động vật (1 tín chỉ)

Thực tập kiểm nghiệm sản phẩm động vật gồm những nội dung thực hành như: Khám thú sống; Khám theo dõi trong qui trình giết thịt; Khám thịt (sau khi giết mổ): Khám đầu; Khám nong; Khám thân trong; Đóng dấu; Xử lý khi khám thịt

10.77. Bệnh dinh dưỡng (2 tín chỉ)

Học phần bệnh dinh dưỡng gia súc gồm những nội dung về nguyên nhân gây bệnh, cơ chế gây bệnh, triệu chứng, bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và phòng – trị một số bệnh do thiếu dinh dưỡng.

10.78. Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo (2 tín chỉ)

Học phần Chăn nuôi và phòng trị bệnh chó mèo gồm những nội dung về đặc điểm, tính năng của các giống chó nuôi phổ biến ở nước ta. Nhu cầu các chất dinh dưỡng, nguồn thức ăn, cách chế biến và bảo quản thức ăn nuôi chó. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho chó

10.79. Thực tập bệnh xá thú y (6 tín chỉ)

Học phần Thực tập bệnh xá Thú y gồm những nội dung về những công việc tham gia trực tiếp vào công tác tiêm phòng và chữa bệnh cho vật nuôi của các thú y cơ sở như: điều tra và phân tích các dữ liệu dịch tễ thú y; Tham gia trong công tác tiêm phòng dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; Chẩn đoán các bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.

10.80. Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Học phần tốt nghiệp gồm những nội dung về những công việc tham gia trực tiếp vào công tác tiêm phòng và chữa bệnh cho vật nuôi của các thú y cơ sở như: điều tra và phân tích các dữ liệu dịch tễ thú y; Tham gia trong công tác tiêm phòng dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; Chẩn đoán các bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.

10.81. Khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)

Sau khi kết thúc các học phần bắt buộc nói trên, mỗi sinh viên phải nghiên cứu đề tài khóa luận tốt nghiệp theo hình thức sau: thực hiện các đề tài nghiên cứu tại phòng thí nghiệm; tại phòng khám thú y hoặc trại chăn nuôi có hướng dẫn của giảng viên, có báo cáo thông qua bộ môn và bảo vệ trước hội đồng đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp.

10.82. Tiểu luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Sau khi kết thúc các học phần bắt buộc nói trên, mỗi sinh viên phải nghiên cứu đề tài tiểu luận tốt nghiệp theo hình thức sau: thực hiện các đề tài nghiên cứu tại phòng thí nghiệm; tại phòng khám thú y hoặc trại chăn nuôi có hướng dẫn của giảng viên, có báo cáo thông qua bộ môn và bảo vệ trước hội đồng đánh giá báo cáo tiểu luận tốt nghiệp.

10.83. Miễn dịch vắc xin (2 tín chỉ)

Học phần Miễn dịch vaccin gồm những nội dung về miễn dịch học và công nghệ sản xuất vaccin dùng trong phòng bệnh gia súc gia cầm

10.84. Bệnh động vật lây truyền sang người (2 tín chỉ)

Học phần Bệnh động vật lây truyền sang người tìm hiểu nguyên nhân, phương thức lây truyền, đối tượng mắc bệnh, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, chẩn đoán và phòng trị bệnh vật nuôi

10.85. Tin học ứng dụng trong CNTY (tự chọn) 2 tín chỉ

Thực tập Tin học ứng dụng trong Thú y gồm những nội dung cơ bản về phân tích số liệu thống kê của thí nghiệm 1 nhân tố, 2 nhân tố; phân tích trung bình; phân tích mối tương quan cũng như tìm ra phương trình hồi qui tuyến tính.

10.86. Nuôi động vật thí nghiệm (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần Nuôi động vật thí nghiệm gồm những nội dung về công tác giống, dinh dưỡng, quản lý và chăm sóc từng loại động vật thí nghiệm (chuột bạch, chuột lang, thỏ, chuột cống) sử dụng chúng trong thí nghiệm, trong các mục đích nghiên cứu khác nhau, một cách hiệu quả và chính xác nhất.

10.87. Bảo quản chế biến sản phẩm động vật (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần bảo quản và chế biến sản phẩm động vật gồm những nội dung thành phần dinh dưỡng của thịt, những biến đổi của thịt sau khi giết mổ, hình thức giảm phẩm chất thịt và sự hư hỏng và phương pháp bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng và sữa).

10.88. Công nghệ sinh học vật nuôi (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần công nghệ sinh học vật nuôi gồm những nội dung thực hành về sinh học phân tử và kỹ thuật PCR giải trình tự gene để tìm ra mối quan hệ họ hàng của gia súc, gia cầm.

10.89. Thuốc và hóa chất thủy sản (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần Thuốc và hóa chất Thủy sản gồm những nội dung như tính chất, tác dụng của thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản

10.90. Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y gồm những nội dung về nghiệp vụ của công tác kiểm nghiệm dược, các phương pháp và chỉ tiêu kiểm nghiệm một số dạng bào chế thuốc.

10.91. Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã (tự chọn) 2 tín chỉ

Tiếp cận một sức khỏe trong quản lý bệnh ĐVHD và vai trò của ĐVHD trong quản lý dịch bệnh;

(2) Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý ĐVHD; (3) Bảo tồn ĐVHD; (4) Những bệnh thường gặp ở ĐVHD thuộc lớp bò sát; lớp chim và lớp thú..

10.92. Thống kê phép thí nghiệm (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần thống kê phép thí nghiệm gồm những nội dung cơ bản về xác suất thống kê, trung bình, độ lệch chuẩn, phương sai, tổng thể, mẫu, hệ số tương quan, kiểm định giả thuyết.

10.93. Vệ sinh thú y (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần Vệ sinh thú y gồm những nội dung về vệ sinh môi trường ứng dụng trong chăn nuôi thú y; Các nguyên tắc vệ sinh thức ăn và nước uống, vệ sinh vận chuyển, vệ sinh chuồng trại, vệ sinh phòng bệnh; Vệ sinh thú y bảo vệ sức khỏe cộng đồng; Vệ sinh và phòng các bệnh truyền lây giữa người và động vật; Quản lý rác thải và xử lý rác thải chăn nuôi.

10.94. Quản lý chất thải chăn nuôi (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần quản lý chất thải chăn nuôi gồm những nội dung như: thực trạng chất thải chăn nuôi, xử lý và quản lý chất thải chăn nuôi

10.95. Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi (tự chọn) 2 tín chỉ

Học phần quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi gồm những nội dung như: thực trạng về bệnh của đàn vật nuôi; biện pháp quản lý và xử lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi

10.96. Ngoại khóa thú y (tự chọn) 2 tín chỉ

Thực tập ngoại khóa gồm những nội dung như tham quan công ty sản xuất thuốc thú y, sản xuất vaccin, nhà máy chế biến thức ăn; lò giết mổ gia súc gia cầm qui mô công nghiệp; nhà máy chế biến sản phẩm động vật

10.97. Niên luận thú y (tự chọn) 2 tín chỉ

Niên luận gồm những nội dung như: nghiên cứu một nội dung thuộc lĩnh vực về bệnh gia súc, gia cầm; Phát đồ điều trị bệnh gia súc, gia cầm hiệu quả; Phương pháp chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Bác sỹ Thú y hệ chính quy **171 tín chỉ** (bao gồm Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 50 tín chỉ giáo dục đại cương, 49 tín chỉ cơ sở ngành, 72 tín chỉ kiến thức ngành và tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Sinh học ứng dụng phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số lượng sinh viên lựa chọn học phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, bao gồm chọn 2 tín chỉ học phần khoa học xã hội, chọn 12 tín chỉ các học phần chuyên ngành.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Sinh học ứng dụng sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Sinh học ứng dụng sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện chương trình chi tiết đã được duyệt.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Trần Công Luận

Pê Phú Nguyễn Hải

Nguyễn Văn Bá

